

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN ALPHA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN ALPHA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALPHA TRADING AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALPHA T.A.D .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108054498

3. Ngày thành lập: 09/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Cụm công nghiệp Trường An, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976694296

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây ăn quả	0121
2.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
3.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
4.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
5.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
6.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
7.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
8.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
9.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
10.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
11.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
12.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
13.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Điều 13 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014)	4661
15.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
16.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
17.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
20.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

21.	Bán buôn thực phẩm	4632
22.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
23.	Bán buôn tổng hợp	4690
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
26.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
27.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
28.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
29.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
30.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
31.	Chuyển phát (Điều 25 Luật Bưu Chính số 49/2010/QH13)	5320
32.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, thuế)	7020
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
35.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
37.	Phá dỡ	4311
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý; Môi giới thương mại (Điều 150 Luật Thương mại số 36/2005/QH11)	4610
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
40.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
45.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
46.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (Điều 50 Luật Thể dục thể thao số 77/2006/QH11)	9311
47.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
48.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
49.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
50.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

51.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
52.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
53.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
54.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
55.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4511
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
59.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
60.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
61.	Xây dựng nhà các loại	4100
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
63.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
64.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
65.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
66.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
67.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
68.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
70.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
71.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
72.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
75.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
76.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
77.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
78.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
79.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
80.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng nguồn lao động trong nước	7830
81.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
82.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

83.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4513
84.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
85.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4530
86.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
87.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
88.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
89.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Điều 48 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015)	7110(Chính)
90.	Quảng cáo	7310
91.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Chín tỷ chín trăm triệu Việt Nam đồng

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 990.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ VĂN LINH	Thôn Cát Đằng, Xã Yên Tiến, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Tổng số	495.000	4.950.000.000	50,000	163151953	
			Cổ phần phổ thông	495.000	4.950.000.000	50,000		
2	NGÔ THỊ HÀ	P106-B6, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.900	99.000.000	1,000	036174000049	
			Tổng số	9.900	99.000.000	1,000		
3	VŨ TIẾN CAO	Tổ 6, Thị Trấn Lâm, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	485.100	4.851.000.000	49,000	163013601	
			Tổng số	485.100	4.851.000.000	49,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ VĂN LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 163151953

Ngày cấp: 17/12/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cát Đằng, Xã Yên Tiến, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 137 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội